TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 8 - 2026
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Lượng;

2. Ông Vũ Thành Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Tứ – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Đỗ Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 142/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh ***Nguyễn Minh Đ***, sinh năm 1983.

Địa chỉ:Thôn A (Làng C), xã B, thành phố Hà Nội

2. Bị đơn: Chị ***Hoàng Thị M***, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn A (trước đây là khu A), xã Y, tỉnh Phú Thọ.

(Anh Đ có mặt; chị M vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà nguyên đơn là anh Nguyễn Minh Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị M tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/8/2024 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, thành phố Hà Nội (nay là xã B, thành phố Hà Nội). Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau một thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 4 năm 2025

đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn với chị M để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị M không có con chung.

Về tài sản chung, vay nợ và công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Hoàng Thị M không có mặt nên Tòa án không lấy lời khai được, cũng như không tiến hành phiên họp, hòa giải được.*

** Toà án đã tiến hành thu thập lời khai của bố đẻ chị Hoàng Thị M là ông Hoàng Văn T*. Ông T cho biết: Chị M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu A (C), xã Y, tỉnh Phú Thọ và ở cùng ông, hiện nay chị M đi làm ăn xa không có mặt tại gia đình. Ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án về việc anh Hoàng Minh Đ1 xin ly hôn chị Hoàng Thị M, ông đã thông báo cho chị M biết. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn với anh Đ1. Chị Hoàng Thị M xác định không có con chung, không có tài sản và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị M đi làm ăn xa không về được nên nhờ ông nhận thay tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án về việc anh Đ1 xin ly hôn với chị. Ông sẽ nhận thay tất cả các văn bản tố tụng và sẽ giao lại tận tay cho chị M.

** Kết quả xác minh tại địa phương:* Đại diện UBND xã Y, tỉnh Phú Thọ cho biết: Anh Nguyễn Minh Đ và chị Hoàng Thị M kết hôn với nhau năm 2024, có chung sống với nhau một thời gian ngắn sau đó ly thân. Nay anh Đ xin ly hôn với chị M, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết. Chị Hoàng Thị M có hộ khẩu thường trú tại khu A (Chính Công), xã Y, tỉnh Phú Thọ, anh Nguyễn Minh Đ không có hộ khẩu tại địa phương xã Y, tỉnh Phú Thọ.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Phú Thọ phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (vắng mặt khi được Tòa án triệu tập, không tham gia hòa giải).

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho anh Nguyễn Minh Đ được ly hôn chị Hoàng Thị M.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh Đ xác định trong thời kỳ hôn nhân không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không có căn cứ để Tòa án xem xét, giải quyết đối với các nội dung này.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc anh Nguyễn Minh Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án

phí ly hôn sơ thẩm. Anh Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí (theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003726 ngày 24/4/2026).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Minh Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là chị Hoàng Thị M cư trú tại xã Y, tỉnh Phú Thọ, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét về sự vắng mặt của chị M, thấy rằng: Chị M đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử mặt tất cả các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh Đ và chị Hoàng Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, thành phố Hà Nội (nay là xã B, thành phố Hà Nội) đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2024 ngày 16/8/2024. Do vậy hôn nhân giữa anh Đ và chị M là hợp pháp. Do vợ chồng sống ly thân với nhau nhiều năm, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, anh Đ, chị M không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, cụ thể anh chị không sống chung với nhau, không còn quan tâm đến nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình... mục đích xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc giữa anh Đ và chị M không đạt được. Mặt khác, chị M không có ý kiến phản đối với yêu cầu ly hôn của anh Đ. Xét yêu cầu ly hôn của anh Đ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh Đ và chị M không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Anh Đ và chị M không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn, các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc khác.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Minh Đ phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Minh Đ được ly hôn chị Hoàng Thị M.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Minh Đ và chị Hoàng Thị M không có con chung nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Sau ly hôn, các bên có tranh chấp, có yêu cầu, thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc khác.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Minh Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Đ đã nộp theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số 0003726 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. (Xác nhận anh Đ đã nộp đủ).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Phú Thọ;
- Phòng THADSKV5 - Phú Thọ;
- UBND xã B, TP Hà Nội
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hoài Linh